

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/DS-PT

Ngày: 28-6-2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng góp hội  
và vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Cường

Bà Nguyễn Thị An Tiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 111/2022/TLPT-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã H tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 476 T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số 117 ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 113 ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Thu H - nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2021, đơn *yêu cầu* bổ sung ngày 04/11/2021, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa – nguyên đơn Bà Võ Thị Thu H trình bày:**

Bà H là thảo hụi, có cho Bà Võ Thị Đ tham gia 02 dây hụi. Sau khi hốt hụi Bà Đ không đóng hụi chết, còn nợ tiền hụi Bà H cụ thể như sau:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng/nửa tháng, mở ngày 27.8.2018 âm lịch, gồm 30 phần, Bà Đ tham gia 03 phần, đã hốt hết 03 phần. Sau khi hốt hụi Bà Đ chỉ đóng hụi chết hết 02 phần, còn lại 01 phần Bà Đ chỉ đóng 19 kỳ hụi chết, còn nợ lại 11 kỳ hụi x 1.000.000 đồng thành tiền là 11.000.000 đồng, sau đó Bà Đ trả được 6.500.000 đồng, nợ lại 4.500.000 đồng.

2. Dây 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06.10.2018 âm lịch gồm 30 phần, Bà Đ tham gia 03 phần, đã hốt hết 03 phần. Sau khi hốt hụi Bà Đ chỉ đóng hụi chết hết 02 phần, còn nợ lại 01 phần, phần này Bà Đ chơi dùm cho Chị Nguyễn Thị Thúy H1 là cháu của Bà Đ, nên Bà H đăng hụi cho Chị H1, phần hụi này còn nợ lại 21 x 2.000.000 đồng thành tiền là 42.000.000 đồng.

Ngoài ra Bà H còn cho Bà Đ vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 09.3.2017 âm lịch Bà Đ vay 5.000.000 đồng.

Ngày 08.9.2020 âm lịch, Bà Đ vay 4.000.000 đồng.

Ngày 08.10.2020 âm lịch, Bà Đ vay thêm 4.000.000 đồng.

Ngày 9.10.2018 Bà Đ vay 14.000.000 đồng, trả được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng.

Tổng tiền vay là 20.000.000 đồng, Bà Đ có trả thêm 1.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền vay là 19.000.000 đồng.

Khi vay tiền Bà Đ có ký tên vào các giấy nợ, không thể chấp tài sản, hai bên có thỏa thuận lãi 4%/tháng, Bà Đ có đóng lãi thời gian đầu nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể do không có ghi lại. Mỗi khi mượn tiền Bà Đ đều nói sẽ hốt hụi để trả nhưng không nói rõ chính xác thời gian trả tiền.

Nay Bà H yêu cầu Bà Đ trả cho bà số tiền hụi của dây hụi 1.000.000 đồng/nửa tháng mở ngày 27.8.2018 là 4.500.000 đồng. Yêu cầu Bà Đ và Chị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi của dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 06.10.2018 là 42.000.000 đồng và yêu cầu Bà Đ trả cho bà số tiền vay là 19.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

***- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn Bà Võ Thị Đ trình bày:***

Đối với dây hụi 1.000.000 đồng/nửa tháng, mở ngày 27.8.2018 âm lịch gồm 30 phần, Bà Đ xác nhận có tham gia 03 phần, hốt tất cả 03 phần hụi này nhưng đã hoàn tất nghĩa vụ đóng hụi chết cho Bà H, không còn nợ bất kỳ khoản hụi chết nào.

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06.10.2018 âm lịch gồm 30 phần, Bà Đ chỉ tham gia 02 phần, bà không được thảo hụi cung cấp danh sách hụi viên, hoàn toàn không có việc chơi hụi giùm Chị H1. Sau khi hốt hụi Bà Đ đã đóng hụi đến mãn, giữa kỳ có nợ 02 lần hụi không đóng, mỗi lần 4.000.000 đồng cho 02 phần hụi chết, 02 kỳ là 8.000.000 đồng, Bà Đ có ký giấy nợ ngày 08.9.2020 và 8.10.2020 (chuyển nợ hụi chết thành nợ vay). Việc Bà H cho rằng có xuống nhà Bà Đ đăng hụi ở kỳ mở hụi đầu tiên nhưng Bà Đ kêu đăng cho Chị H1 là không đúng sự thật, hiện tại Bà Đ không còn nợ tiền hụi chết, chỉ xác nhận khoản nợ hụi 8.000.000 đồng như trên. Ngoài ra Bà Đ có vay tiền của Bà H nhiều lần, mỗi lần vay đều có viết giấy nợ và ký tên nhưng các lần trả nợ đều không thu hồi bản gốc giấy nợ. Bà Đ xác định chỉ còn khoản vay 5.000.000 đồng bà trả được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng, tổng cộng các khoản vay bà chỉ còn nợ Bà H 12.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho Bà H.

***- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày:***

Trước đây nhiều năm Chị H1 có tham gia hụi do Bà H làm chủ thảo nhưng hụi đã mãn từ lâu, Chị H1 không nhớ rõ thời gian. Chị H1 xác định giữa chị và Bà Đ không có thỏa thuận nào về việc nhờ Bà Đ tham gia giùm dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 06.10.2018 âm lịch như Bà H trình bày, Chị H1 không ký nhận tiền đăng hụi, không là hụi viên cũng như không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ Bà H đối với dây hụi này, nay Bà H yêu cầu chị có nghĩa vụ liên đới với Bà Đ trả số tiền hụi chết 42.000.000 đồng chị không đồng ý.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ, khoản 1, Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Thu H đối với Bà Võ Thị Đ

Buộc Bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Bà H số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

*Kể từ ngày Bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Đ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Bà Đ còn phải trả cho Bà H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H đối với việc yêu cầu Bà Đ trả số tiền hội 4.500.000 đồng và số tiền vay 7.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H đối với việc yêu cầu Bà Đ và Chị H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 04/5/2022 Bà H kháng cáo:* Yêu cầu Bà Đ trả cho Bà H số tiền hội 4.500.000 đồng còn thiếu của dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 27.8.2018. Yêu cầu Bà Đ liên đới với Chị H1 trả cho Bà H số tiền hội 42.000.000 đồng còn thiếu của dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 06.10.2018 và yêu cầu Bà Đ trả cho Bà H số tiền vay còn thiếu là 19.000.000 đồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kháng cáo của Bà H, buộc Chị H1 có trách nhiệm trả cho Bà H số tiền 41.050.000 đồng mà Chị H1 đã ký nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của Bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

**[2.1]** Đối với dây hội 1.000.000 đồng/nửa tháng, mở ngày 27.8.2018 âm lịch, Bà H cho rằng Bà Đ chỉ hoàn tất nghĩa vụ đóng hội chết đối với 02 phần, còn 01 phần Bà Đ còn nợ 11 kỳ hội chết với tổng số tiền 11.000.000 đồng, sau đó trả được 6.500.000 đồng, còn nợ lại 4.500.000 đồng. Bà Đ thống nhất có tham gia 03 phần trong dây hội này, đã hốt tất cả 03 phần và đã hoàn tất nghĩa vụ đóng tiền hội chết nên bà không đồng ý yêu cầu của Bà H.

Bà H căn cứ vào sổ theo dõi việc đóng hội tự lập, tự theo dõi để yêu cầu Bà Đ trả số tiền còn nợ (bút lục số 45) thể hiện hội viên nào đóng hội theo định kỳ sẽ có dấu “x” là phù hợp với tập quán trong việc theo dõi đóng hội của thảo hội trên địa bàn, riêng 11 lần cuối cùng của hội viên Đa tại thứ tự 16 từ trên xuống cũng thể hiện có dấu “x” nhưng được khoanh tròn lại, trong khi đó đối chiếu với việc theo dõi dây hội ngày 06.10.2018 và các phần hội khác cùng dây hội này thì hội viên nào chưa đóng Bà H sẽ để trống, không phải đánh dấu x có khoanh tròn, như vậy việc đánh dấu “x” và khoanh tròn là chưa đủ căn cứ để xác định Bà Đ còn nợ lại tiền hội của Bà H. Ngoài chứng cứ là sổ theo dõi thì Bà H không có chứng cứ nào khác, nhưng cách theo dõi trong sổ lại không thống nhất nên không thể xác định được Bà Đ còn nợ lại 11 kỳ hội chết của dây hội này.

**[2.2]** Đối với dây hội 2.000.000 đồng/nửa tháng, mở ngày 6.10.2018 âm lịch, Bà H cho rằng Bà Đ chơi dùm Chị Nguyễn Thị Thúy H1 01 phần và đã hốt đầu, nợ lại 21 kỳ hội chết thành tiền là 42.000.000 đồng, thấy rằng trong danh sách hội do Bà H cung cấp trùng với danh sách hội của hội viên mà Bà H giao (bút lục 63), theo danh sách này thì Bà Đ tham gia 03 phần, nhưng căn cứ vào giấy hốt hội tại bút lục số 41, 42 thì Bà Đ chỉ hốt 02 lần (kỳ thứ 6 và thứ 9), như vậy còn 01 lần hốt hội nữa là kỳ đầu và Bà H đăng cho Chị H1 (bút lục số 43) là có căn cứ. Mặc dù Chị H1 không có tên trong danh sách (do Bà Đ chơi dùm) và không thừa nhận có tham gia chơi hội và hốt hội nhưng tại Kết luận giám định số 976/KL-KTHS ngày 18.7.2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh (bút lục số 85) đã kết luận, chữ viết tên Nguyễn Thị Thúy Hằng trong giấy nhận hội kỳ đầu tiên tại bút lục số 43 là của Chị H1. Do đó có đủ căn cứ xác định Chị H1 đã nhận tiền hội do Bà Đ chơi dùm trong danh sách hội của Bà H nhưng vì Chị H1 không có tên trong danh sách hội do Bà H làm thảo hội lại nhận tiền hốt hội của Bà H giao nên phải có trách nhiệm trả lại cho Bà H số tiền đã nhận là 41.050.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[2.3]** Đối với số tiền vay 19.000.000 đồng, Bà H cho rằng Bà Đ vay tiền nhiều lần và có cung cấp các giấy vay tiền thì ngoài giấy vay tiền (bút lục số 55) tổng số tiền 8.000.000 đồng được Bà Đ thừa nhận thì giấy vay tiền 5.000.000 đồng ngày

27.5.2018 Bà H không cung cấp được mà cung cấp giấy vay ngày 09.3.2017 (bút lục 54), số tiền mượn tạm 02 lần là 8.000.000 đồng (lần 2.000.000 đồng và lần 6.000.000 đồng) thì không có giấy tờ, giấy vay tiền 10.000.000 đồng thì không liên quan trong vụ án. Như vậy Bà H yêu cầu Bà Đ trả tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng nhưng cung cấp chứng cứ không đầy đủ và chứng cứ không phù hợp nhưng tại phiên tòa hôm nay Bà H đồng ý số tiền vay Bà Đ còn nợ là 12.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của Bà H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của Bà H được chấp nhận nên Chị H1 phải chịu 2.040.000 đồng tiền chi phí giám định, Bà H đã tạm ứng số tiền giám định nên Chị H1 phải hoàn trả cho Bà H 2.040.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà H được chấp nhận số tiền hui 41.050.000 đồng và số tiền vay là 12.000.000 đồng, Bà Đ là người đủ 60 tuổi, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Đ.

Đối với số tiền hui 4.500.000 đồng Bà H yêu cầu nhưng không được chấp nhận nên Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.862.000 đồng theo biên lai thu số 0009636 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, hoàn trả cho Bà H 1.562.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Bà H được chấp nhận là 41.050.000 đồng  $\times 5\% = 2.052.500$  đồng (làm tròn số 2.053.000 đồng).

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Bà H được chấp nhận 01 phần nên Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Võ Thị Thu H.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ, khoản 1, Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Thu H đối với Bà Võ Thị Đ, Chị Nguyễn Thị Thúy H1.

Buộc Bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Bà Võ Thị Thu H số tiền vay là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Buộc Chị Nguyễn Thị Thúy H1 có nghĩa vụ trả cho Bà Võ Thị Thu H số tiền hui là 41.050.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Thu H đối với Bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu Bà Đ trả số tiền hui 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày Bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Đ, Chị H1 không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Bà Đ, Chị H1 còn phải trả cho Bà H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

2. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị Thúy H1 có trách nhiệm hoàn trả cho Bà Võ Thị Thu H 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho Bà Võ Thị Đ.

Bà Võ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.862.000 đồng theo biên lai thu số 0009636 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, hoàn trả cho Bà H 1.562.000 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu 2.053.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho Bà Võ Thị Thu H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0020720 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TX H;
- CCTHADS TX H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Dương Thúy Hằng**